

Số: 08/QĐ-LTT

Cư Jút, ngày 14 tháng 01 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu – chi ngân  
sách Nhà nước 6 cuối năm năm 2025**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ TỰ TRỌNG**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 544/QĐ-UBND ngày 18/8/2025 của UBND xã Cư Jút về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1675/QĐ-UBND ngày 17/11/2025 của UBND xã Cư Jút về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1792/QĐ-UBND ngày 08/12/2025 của UBND xã Cư Jút về việc giao bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ vào tình hình thực hiện dự toán thu, chi NSNN 6 tháng cuối năm năm 2025;

Xét đề nghị của bộ phận kế toán,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu thực hiện dự toán thu, chi ngân sách nhà nước 6 tháng cuối năm năm 2025 của trường Tiểu học Lý Tự Trọng xã Cư Jút, chi tiết theo biểu mẫu 3, đính kèm.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Bộ phận kế toán và các bộ phận liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.

**HIỆU TRƯỞNG**  
  
**Lê Văn Hùng**

Đơn vị: Trường Mẫu giáo Tâm Thắng  
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cư Jút, ngày 14 tháng 01 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM/2025**

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị  
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

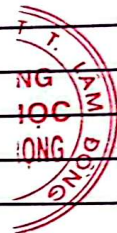
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

| Số TT | Nội dung                                       | Dự toán năm | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm/2025 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện (6 tháng cuối năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 1     | 2                                              | 3           | 4                                   | 5                                   | 6                                                                       |
| A     | Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí    |             |                                     |                                     |                                                                         |
| I     | Số thu phí, lệ phí                             |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 1     | Lệ phí                                         |             |                                     |                                     |                                                                         |
|       | Học phí                                        |             |                                     |                                     |                                                                         |
|       | Lệ phí...                                      |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2     | Phí                                            |             |                                     |                                     |                                                                         |
|       | Phí ...                                        |             |                                     |                                     |                                                                         |
|       | Phí ...                                        |             |                                     |                                     |                                                                         |
| II    | Chi từ nguồn thu phí được để lại               |             |                                     |                                     |                                                                         |
| I     | Chi sự nghiệp.....                             |             |                                     |                                     |                                                                         |
| a     | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                 |             |                                     |                                     |                                                                         |
| b     | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên           |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2     | Chi quản lý hành chính                         |             |                                     |                                     |                                                                         |
| a     | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |             |                                     |                                     |                                                                         |
| b     | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |             |                                     |                                     |                                                                         |
| III   | Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 1     | Lệ phí                                         |             |                                     |                                     |                                                                         |
|       | Lệ phí...                                      |             |                                     |                                     |                                                                         |
|       | Lệ phí...                                      |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2     | Phí                                            |             |                                     |                                     |                                                                         |
|       | Phí ...                                        |             |                                     |                                     |                                                                         |
|       | Phí ...                                        |             |                                     |                                     |                                                                         |
| B     | Dự toán chi ngân sách nhà nước                 | 6.725,20    | 6.649,00                            | 94,10%                              |                                                                         |
| I     | Nguồn ngân sách trong nước                     | 6.725,20    | 6.649,00                            | 94,10%                              |                                                                         |
| 1     | Chi quản lý hành chính                         |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 1.1   | Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ               |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 1.2   | Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ         |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ            |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2.1   | Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ |             |                                     |                                     |                                                                         |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia     |             |                                     |                                     |                                                                         |

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán năm | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm/2025 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện (6 tháng cuối năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ             |             |                                     |                                     |                                                                         |
|       | - Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2.2   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng    |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2.3   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      | 6.725,20    | 6.649,00                            | 94,10%                              |                                                                         |
| 3.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   | 6.317,00    | 6.287,00                            | 99,53%                              |                                                                         |
| 3.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             | 408,20      | 362,00                              | 88,68%                              |                                                                         |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 4.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 4.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 5.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 5.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 6.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 6.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 7.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 7.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 8.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 8.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 9.1   | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 9.2   | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 10.1  | Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên                   |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 10.2  | Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên             |             |                                     |                                     |                                                                         |
| II    | Nguồn vốn viện trợ                               |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 1.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 1.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 3.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 3.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 4.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |

| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán năm | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm/2025 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện (6 tháng cuối năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 4.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 5.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 6.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 6.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 7.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 7.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 8.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 8.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 9.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 9.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 10.1  | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 10.2  | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| III   | Nguồn vay nợ nước ngoài                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 1     | Chi quản lý hành chính                           |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 1.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 1.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2     | Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ              |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 3     | Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề      |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 3.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 3.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 4     | Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình           |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 4.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 4.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 5     | Chi bảo đảm xã hội                               |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 5.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 2.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 6     | Chi hoạt động kinh tế                            |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 6.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 6.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 7     | Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường                  |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 7.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 7.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 8     | Chi sự nghiệp văn hóa thông tin                  |             |                                     |                                     |                                                                         |



| Số TT | Nội dung                                         | Dự toán năm | Ước thực hiện 6 tháng cuối năm/2025 | Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %) | Ước thực hiện (6 tháng cuối năm nay) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %) |
|-------|--------------------------------------------------|-------------|-------------------------------------|-------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| 8.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 8.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 9     | Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 9.1   | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 9.2   | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 10    | Chi sự nghiệp thể dục thể thao                   |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 10.1  | Dự án A                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |
| 10.2  | Dự án B                                          |             |                                     |                                     |                                                                         |

Kế toán



Trần Thị Thủy

Cư Jút, ngày 14 tháng 01 năm 2025



Phụ trưởng đơn vị



Lê Văn Hùng